

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Lý

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- **Thư ký ghi biên bản:** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa VT.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Thành N, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp HQ, xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N quen biết, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được một người con chung tên Bùi Tấn T, sinh ngày 18/5/2020.

Về mâu thuẫn gia đình: Chị Y trình bày trong cuộc sống chung anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay xảy ra cự cãi, bất hòa trong gia đình nên cuộc sống không được hạnh phúc và anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay chị Y thấy rằng đôi bên không gây dựng được cho nhau hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HĐ giải quyết những nội dung sau đây:

- Về hôn nhân: Chị Y yêu cầu được ly hôn với anh N.
- Về con chung: Chị Y đồng ý giao con chung cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Bùi Thành N có ý kiến tại Bản tự khai như sau:*

Tôi và Nguyễn Thị Kim Y tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 04 tháng 7 năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Quá trình chung sống có một con chung tên Bùi Tấn T, sinh ngày 18/5/2020. Thời gian sau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình luôn đối lập, thường xuyên cãi nhau và ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, khi ly thân thì con Bùi Tấn T do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy tình cảm giữa tôi và chị Y không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đồng ý ly hôn với vợ tôi Nguyễn Thị Kim Y.

Tôi tự nguyện nuôi con chung tên Bùi Tấn T, sinh ngày 18/5/2020 và tôi không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung; không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị Kim Y có đơn yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Thành N. Phía bị đơn cư trú tại ấp HQ, xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về *thủ tục tố tụng*: Các bên đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Bùi Thành N kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/7/2019 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị Y và anh N hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Sau khi thụ lý vụ án, chị Y có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu được giải quyết vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành được các phiên hòa giải để động viên các đương sự đoàn tụ và hướng tới cuộc sống chung bền vững. Mặt khác tại Bản tự khai của mình, anh N cũng đồng ý ly hôn với chị Y. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh N.

[4]. Về con chung: Anh chị có một con chung tên Bùi Tấn T, sinh ngày 18/5/2020. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu T do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đến nay cháu cũng đã có cuộc sống ổn định. Do đó, để đảm bảo cho cháu T không bị xáo trộn về môi trường sống và cũng phù hợp với yêu cầu của các bên đương sự, nên HĐXX chấp nhận giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Y.

[6]. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Bùi Thành N.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Bùi Thành N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Tấn T, sinh ngày 18/5/2020 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian anh N nuôi dưỡng con chung, chị Y có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0004361 ngày 03 tháng 02 năm 2023. Chị Y không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- UBND xã TS;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cúc